

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

*Bản án số: 462/2020/HC-PT
Ngày 27-8-2020
V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân.

Ông Nguyễn Văn Tũu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 257/TLPT-HC ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2019/HC-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng nghị .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1353/QĐPT-HC ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Chu Đức Ngh, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngh: Luật sư Nguyễn Sa Linh và luật sư Nguyễn Thị Thanh T -Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (luật sư Linh xin vắng mặt, luật sư T có mặt).

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã LG, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt);

2. Ủy ban nhân dân thị xã LG, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trọng Nh - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã LG (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Mẫu S; Chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã LG (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã TP, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Tấn Tâm; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TP (Vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TP, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TP: Ông Phan Trọng M; Chức vụ: Công chức Địa chính - Xây dựng (theo văn bản ủy quyền ngày 26/08/2020- Có mặt);

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D; Chức vụ: Tổng Giám đốc (Xin xét xử vắng mặt).

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, ông Chu Đức Ngh trình bày:

Ngày 19/5/2015, ông Ngh nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giấy CNQSDĐ) tại UBND xã TP đối với diện tích 4.020,9m² thuộc thửa đất số 275, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại thôn Phước Tiến, xã TP, thị xã LG. Ngày 16/11/2015, UBND xã TP đã xác nhận vào đơn đăng ký cấp giấy CNQSDĐ của ông, với nội dung: “Nguồn gốc đất do UBND xã TP quản lý”. Căn cứ xác nhận của UBND xã TP, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai LG ban hành Công văn số 37/VP-ĐKQSDĐ ngày 11/01/2016 về việc giao trả hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của ông cho UBND xã TP, với nội dung: Ngày 16/11/2015, UBND xã TP xác nhận nguồn gốc sử dụng đất là do UBND xã TP quản lý. Vì vậy, hồ sơ của ông Ngh không đủ điều kiện cấp giấy CNQSDĐ theo quy định tại Khoản 5 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngày 02/02/2016, ông Ngh có đơn khiếu nại và ngày 24/3/2016, UBND xã TP ban hành Công văn số 47/UBND, có nội dung: Không chấp nhận khiếu nại. Ông Ngh tiếp tục khiếu nại và ngày 23/01/2017, Chủ tịch UBND xã TP ban hành Quyết định số 37/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, có nội dung: Giữ nguyên nội dung xác nhận trong đơn đăng ký cấp giấy CNQSDĐ ngày 16/11/2015. Ông Ngh tiếp tục khiếu nại và ngày 16/11/2017, Chủ tịch UBND thị xã LG ban hành Quyết định số 1591/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai, có nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông Ngh, giữ nguyên Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Chủ tịch UBND xã TP.

Ông Ngh cho rằng: Diện tích đất 4.020,9m² thuộc thửa đất số 275 có nguồn gốc là do ông nhận chuyển nhượng từ ông Lê Viết Th vào năm 2000, hai bên có

lập giấy bán đất viết tay, đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị M; phía Tây giáp đường LTK; phía Nam giáp đất ông Tuấn; phía Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn Ph. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông trực tiếp sử dụng đất để trồng Điều, Keo lá tram, trong quá trình sử dụng đất không ai tranh chấp, không bị chính quyền xử phạt và sử dụng đất ổn định trước thời điểm ngày 01/7/2004, việc sử dụng đất đúng mục đích và phù hợp với các quy định tại Điều 101 Luật Đất đai 2013; Điều 20, 21, 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên đủ điều kiện được cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích 4.020,9m² nêu trên.

Vì vậy, ông Ngh yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 37/QĐ-UBND, Quyết định số 1591/QĐ-UBND; Buộc UBND xã TP xác nhận nguồn gốc diện tích đất 4.020,9m² thuộc thửa đất số 275 là do ông nhận chuyển nhượng từ năm 2000 và sử dụng hợp pháp đến nay không ai tranh chấp; Buộc UBND thị xã LG cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích 4.020,9m² thuộc thửa đất số 275.

Người bị kiện, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã LG thống nhất trình bày: Thửa đất ông Chu Đức Ngh khiếu nại có nguồn gốc thuộc khu vực 2,8ha trước đây Lâm trường HT (cũ) đã bàn giao cho UBND xã TA (cũ) quản lý tại Biên bản bàn giao ngày 26/9/2002. Sau đó, UBND xã TA (cũ) bàn giao lại cho UBND xã TP quản lý (do chia tách đơn vị hành chính mới). Hiện nay, thửa đất này UBND thị xã đã có Thông báo số 80/TB-UBND ngày 30/5/2012 về việc thu hồi đất để xây dựng vườn ươm cây trồng thị xã LG. Nội dung do UBND xã TP xác nhận về nguồn gốc và thời điểm bắt đầu sử dụng đất tại đơn đăng ký cấp giấy CNQSDĐ ngày 16/11/2015 là có căn cứ. Ông Ngh không đủ điều kiện để cấp giấy CNQSDĐ quy định tại Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, nội dung ông Ngh khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TP: Không có ý kiến trình bày, không nộp tài liệu, chứng cứ. Tòa án tổ chức phiên họp đối thoại nhưng các đương sự vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND xã TP trình bày: UBND xã TP được thành lập vào tháng 01/2006. Diện tích ông Chu Đức Ngh khiếu nại nằm trong diện tích 21ha do UBND xã TA bàn giao. Sau khi nhận bàn giao, UBND xã TP kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, toàn bộ diện tích đất này đã bị người dân chiếm trồng cây Điều và cây Keo lá tram, có 02 hộ dân làm nhà để ở. Đối với diện tích đất ông Ngh sang nhượng lại của ông Lê Viết Th bằng giấy viết tay từ khoảng thời gian năm 2002, trên đất có một số cây Điều và cây Keo lá tram, đến năm 2016 thì ông Ngh chặt hạ cây Điều, cây Keo, trồng lại cây Keo lá tram cho đến nay. Chủ tịch UBND xã TP không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ngh.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận trình bày: Diện tích đất liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Ngh, trước đây là do Lâm trường HT (nay là Xí nghiệp Lâm nghiệp HT trực thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận) quản lý. Đến năm 2002, Lâm trường HT bàn giao về cho địa phương quản lý, do thời gian đã lâu nên hồ sơ bị thất lạc. Hiện nay, Xí nghiệp Lâm nghiệp HT không còn lưu giữ bất cứ giấy tờ nào liên quan đến khu đất

nêu trên. Liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Ngh, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2019/HC-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32, Điểm b Khoản 2 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 22, Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Đức Ngh.

- Hủy Công văn số 47/UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã TP, thị xã LG về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Chu Đức Ngh.

- Hủy Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TP, thị xã LG về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Chu Đức Ngh thường trú tại Khu phố 2, phường TA, thị xã LG.

- Hủy Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã LG, tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Chu Đức Ngh thường trú tại Khu phố 2, phường TA, thị xã LG (Lần 2) .

- Buộc Ủy ban nhân dân xã TP, thị xã LG thực hiện hành vi hành chính xác nhận nguồn gốc đất cho ông Chu Đức Ngh theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã LG, tỉnh Bình Thuận thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Chu Đức Ngh theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/11/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Chu Đức Ngh trình bày: Năm 2000, ông mua 4.020,9m² của ông Thành, trên đất đã trồng cây Keo và một số cây khác. Ông Ngh trực tiếp sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, không bị xử lý vi phạm hành chính từ năm 2000 đến nay nên đủ điều kiện cấp giấy CNQSDĐ. Ông Ngh rút một phần yêu cầu khởi kiện là buộc UBND thị xã LG cấp giấy CNQSDĐ do phần đất này đã có thông báo thu hồi đất của UBND thị xã LG.

UBND xã TP trình bày: Các Bản án hành chính số 04/2018/HC-PT, số 05/2018/HC-PT và số 06/2018/HC-PT cùng ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đang có hiệu lực pháp luật và UBND xã có ý kiến như sau: Chấp hành các bản án nêu trên. Hiện tại, ông Ngh đang sử dụng phần đất này thì vẫn tiếp

tục sử dụng. Nếu nhà nước thực hiện dự án thì sẽ thu hồi và bồi thường theo quy định pháp luật. Trường hợp không thực hiện dự án thì lập thủ tục cấp giấy CNQSDĐ cho ông Ngh theo quy định của pháp luật về đất đai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngh trình bày: Do UBND thị xã LG đã ra thông báo thu hồi đất nên ông Ngh tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện là buộc UBND thị xã LG cấp giấy CNQSDĐ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đất do ông Ngh mua của ông Thành từ năm 2000, sử dụng ổn định, không tranh chấp, không bị xử lý vi phạm hành chính nhưng UBND xã TP lại xác định vào đơn xin cấp giấy CNQSDĐ là nguồn gốc đất công là không đúng. Các Bản án hành chính số 04/2018/HC-PT, số 05/2018/HC-PT và số 06/2018/HC-PT cùng ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đang có hiệu lực pháp luật đã hủy xác nhận về nguồn gốc đất công trong đơn xin cấp giấy CNQSDĐ của người sử dụng đất tương tự. Nên trường hợp thu hồi đất này thì phải bồi thường theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND thị xã LG trình bày: Phần đất do UBND thị xã LG có thông báo thu hồi đất nên ông Ngh rút một phần yêu cầu khởi kiện là đúng. Các nội dung khác, thống nhất như nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Việc ông Ngh rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên được chấp nhận. Do UBND thị xã LG đã thông báo thu hồi đất nên không thể cấp giấy CNQSDĐ cho ông Ngh. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngh là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý và giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của ông Ngh là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 32, Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngh rút một phần yêu cầu khởi kiện là buộc UBND thị xã LG cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích 4.020,9m², thấy rằng: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần áp dụng Điều 234 Luật Tố tụng hành chính để hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với phần khởi kiện do ông Ngh đã rút.

Về nội dung:

[1] Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, ông Ngh yêu cầu: Hủy Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Chủ tịch UBND xã TP; Hủy Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Chủ tịch UBND thị xã LG; Buộc UBND xã TP, thị xã LG thực hiện hành vi hành chính xác nhận nguồn gốc đất cho ông Ngh theo quy định của pháp luật về đất đai; Buộc UBND thị xã LG thực hiện hành vi hành chính cấp giấy CNQSDĐ cho ông Ngh theo quy định của pháp luật về đất đai.

Xét các quyết định hành chính bị khiếu kiện, thấy rằng:

[2] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

[2.1] Ngày 19/5/2015, ông Ngh nộp hồ sơ xin cấp giấy CNQSDĐ tại UBND xã TP, đối với diện tích 4.020,9m² thuộc thửa đất số 275. Ngày 16/11/2015, UBND xã TP chuyển hồ sơ trên đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã LG. Ngày 11/01/2016, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai ban hành Công văn số 37/VP-ĐKQSDĐ, có nội dung: Giao trả hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ cho ông Ngh. Ngày 02/02/2016, ông Ngh khiếu nại hành vi hành chính của UBND xã TP về việc xác nhận nội dung nguồn gốc đất của ông là do UBND xã quản lý. Ngày 24/3/2016, UBND xã TP ban hành Công văn số 47/UBND, có nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông Ngh. Ông Ngh khiếu nại Công văn số 47/UBND và ngày 21/7/2016, Chủ tịch UBND xã TP ban hành Quyết định số 134/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Ngh, sau đó, ngày 03/11/2016, Chủ tịch UBND xã TP đã ban hành Quyết định số 228/QĐ-UBND, có nội dung hủy Quyết định số 134/QĐ-UBND và ngày 23/01/2017, Chủ tịch UBND xã TP ban hành Quyết định số 37/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Ngh. Do ông Ngh khiếu nại nên ngày 16/11/2017, Chủ tịch UBND thị xã LG ban hành Quyết định số 1591/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông Ngh là đúng pháp luật

[2.2] Quyết định số 37/QĐ-UBND, có nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngh. Tuy nhiên, ông Ngh khiếu nại Công văn số 47/UBND ngày 24/3/2016 của UBND xã TP nhưng Quyết định số 37/QĐ-UBND không kết luận Công văn số 47/UBND có đúng hay không? Căn cứ pháp lý? Việc xác nhận của UBND xã TP tại Đơn xin cấp giấy CNQSDĐ ngày 18/5/2015 của ông Ngh là chưa đầy đủ thông tin nêu tại mẫu đơn. Những nội dung trên là không đúng nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 29 của Luật Khiếu nại năm 2011; Khoản 2 Điều 21, Điểm a Khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[2.3] Chủ tịch UBND thị xã LG ban hành Quyết định số 1591/QĐ-UBND, có nội dung giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Ngh là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Thông tư số 07/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ. Tại Điều 1 Quyết định số 1591/QĐ-UBND, có nội dung: Chấp nhận nội dung ông Ngh khiếu nại Quyết định số 37/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã TP, với lý do: Chủ tịch UBND xã TP ban hành quyết định trên không đúng nội dung và trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định

của Luật Khiếu nại năm 2011. Đồng thời yêu cầu Chủ tịch UBND xã TP thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 37/QĐ-UBND. Tuy nhiên, cũng tại Điều 1 quyết định này lại có nội dung: Không chấp nhận nội dung ông Ngh khiếu nại yêu cầu UBND xã TP phải xác nhận lại và đề nghị UBND thị xã LG cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích 4.020,9m². Trong khi đó, tại Điều 1 Quyết định số 37/QĐ-UBND, có nội dung: Giữ nguyên nội dung xác nhận của UBND xã TP ngày 16/11/2015 trong đơn đăng ký cấp giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của ông Ngh. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì Chủ tịch UBND xã TP vẫn chưa thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 37/QĐ-UBND.

[2.4] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm hủy Quyết định số 37/QĐ-UBND và Quyết định số 1591/QĐ-UBND là có căn cứ.

[2.5] Liên quan đến đơn khởi kiện của ông Ngh là Công văn số 47/UBND ngày 23/3/2016 của UBND xã TP, có nội dung UBND xã TP xác nhận đơn đề nghị cấp giấy CNQSDĐ của ông Ngh nguồn gốc là do UBND xã TP quản lý. Nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung quyết định hành chính:

[3.1] Quá trình tố tụng, ông Ngh cho rằng: Diện tích 4.020,9m² thửa đất số 275 do nhận chuyển nhượng của ông Lê Viết Th vào năm 2000 và sử dụng cho đến nay, thấy rằng: Theo giấy bán đất của ông Thành (bút lục 37), có nội dung: Ông Thành chuyển nhượng đất cho ông Ngh vào ngày 25/01/2000. Tại Đơn trình bày ngày 20/11/2018 của ông Cao Văn Tân (nguyên là trưởng Thôn 1, xã TA cũ), thể hiện: Ông Lê Viết Th có khai hoang sử dụng dụng một thửa đất gần thửa đất của ông Lê Hoàng Phong và ông Nguyễn Quang Tuấn vào năm 1991-1992 (bút lục 05). Đơn của ông Tân được UBND phường TA, thị xã LG xác nhận ngày 03/11/2018, có nội dung: “Theo nội dung trình bày trong đơn của ông Cao Văn Tân là đúng”. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2019 (bút lục 57), thể hiện: Hiện trạng trên đất ông Ngh đang trồng Keo lá tràm có chiều cao mỗi cây trung bình từ 8 đến 10 mét, 07 cây Đào (01 cây chết, 05 cây có đường kính không quá 30cm, 01 cây có đường kính 30cm). Tại mục 2, phần III Quyết định số 1591/QĐ-UBND, có nội dung, về hiện trạng: Trên đất trồng Keo lá tràm, mật độ cây 2m x 1m, cây cao khoảng 3m trồng năm 2016. Ngoài ra, trên đất còn có 7 cây Điều khoảng 10 năm tuổi. Tại mục 3 Kết quả làm việc với ông Lê Viết Th, thể hiện: Ông Thành có chuyển nhượng đất cho ông Ngh. Trước khi chuyển nhượng cho ông Ngh thì ông Thành tự khai phá từ năm 1987 để trồng cây ngắn ngày, sau đó chuyển sang trồng Điều cho đến khi bán lại cho ông Ngh vào năm 2000. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Ngh sử dụng thửa đất số 275 trước năm 2004 là có căn cứ

[3.2] Hồ sơ vụ án thể hiện: Diện tích 4.020,9m² thuộc thửa đất số 275 có nguồn gốc là do Nhà nước giao cho Lâm trường HT quản lý, trồng rừng từ năm 1983, với diện tích 21,62ha (nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh Bình Thuận). Lâm trường HT sử dụng đến ngày 26/9/2002 thì bàn giao cho UBND xã TA (nay là phường TA, thị xã LG) quản lý. Theo biên bản bàn giao ngày

26/9/2002 thể hiện: Hiện trạng, có 2 khu khác nhau, trong đó khu thứ 2 bị 02 hộ dân lấn chiếm làm nhà ở. Biên bản không ghi nhận việc lấn chiếm của ông Ngh trong thời gian này. Năm 2006, UBND phường TA bàn giao diện tích 21,62ha cho UBND xã TP quản lý. Biên bản thể hiện tại mục số 11 phần II về hồ sơ tài liệu hiện đang làm và tài liệu lưu trữ có nội dung: “*Hồ sơ Lâm Trường bàn giao 21,62ha, kèm biên bản vi phạm*” nhưng không có biên bản vi phạm.

[3.3] Ngày 20/7/2011, UBND thị xã LG ban hành Quyết định số 848/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng vườn ươm cây trồng của thị xã LG. Ngày 30/5/2012, UBND thị xã LG ban hành Thông báo số 80/TB-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình vườn ươm. UBND xã TP và UBND thị xã LG cho rằng ông Ngh không có giấy tờ về đất, phần đất ông Ngh đất đang sử dụng nằm trong diện tích đất do UBND xã TP quản lý để không chấp nhận khiếu nại của ông Ngh là không đúng quy định của pháp luật về đất đai. Liên quan đến khu đất này, tương tự như trường hợp của ông Ngh, tại Bản án phúc thẩm số 04/2018/HC-PT, 05/2018/HC-PT, 06/2018/HC-PT cùng ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã xác nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông Nguyễn Quang Tuấn, ông Lê Hoàng Phong và ông Đồng Đức Long.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Ngh sử dụng đất từ trước 2004, đến năm 2011 thì UBND thị xã LG mới lập quy hoạch sử dụng đất nên đã hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện là có căn cứ. Tuy nhiên, năm 2012 UBND thị xã LG đã ban hành thông báo thu hồi đất. Vì vậy, Theo quy định tại Khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Điểm a khoản 5 Điều 20; Khoản 1, điểm h Khoản 2, Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì trường hợp của ông Ngh có đủ điều kiện cấp giấy CNQSDĐ nhưng do đã có thông báo thu hồi đất nên thuộc trường hợp không được cấp giấy CNQSDĐ theo quy định tại Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND thị xã LG cấp giấy CNQSDĐ cho ông Ngh là không đúng quy định nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngh đã rút yêu cầu khởi kiện này.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất một phần ý kiến của Viện kiểm sát; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Chấp nhận một phần ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngh; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 234, khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã LG, tỉnh Bình Thuận thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Chu Đức Ngh đối, với

diện tích 4.020,9m² thuộc thửa đất số 275, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại thôn Phước Tiến, xã TP, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2019/HC-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Chu Đức Ngh.

4.1 Hủy Công văn số 47/UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã TP, thị xã LG về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Chu Đức Ngh.

4.2 Hủy Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TP, thị xã LG về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Chu Đức Ngh thường trú tại Khu phố 2, phường TA, thị xã LG.

4.3 Hủy Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã LG, tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Chu Đức Ngh thường trú tại Khu phố 2, phường TA, thị xã LG (Lần 2) .

4.4 Buộc Ủy ban nhân dân xã TP, thị xã LG thực hiện hành vi hành chính xác nhận nguồn gốc đất cho ông Chu Đức Ngh theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1 Ông Chu Đức Ngh không phải chịu và được trả lại 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025734 ngày 12/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

5.2 Buộc Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã LG, mỗi đương sự phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự (2);
- Lưu: VP (3), HS (2) 15b (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương